

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LỘ
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày 24 - 5- 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Vĩnh Hiền
2. Ông Nguyễn Văn Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đinh Thị Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** ông Phạm Hồng Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/HSST – TB ngày 03/5/2024 đối với các bị cáo:

1. **Hồ Văn Q**, sinh ngày 17/02/2002 tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn R, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Bru Vân Kiều; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn V, sinh năm 1980 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1982; vợ Hồ Thị H, sinh năm 2003; có 01 con sinh tháng 5/2024; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tạm giam từ ngày 10/01/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Quảng Trị; có mặt tại phiên tòa.

2. **Hồ Đức P**, tên gọi khác: B; sinh ngày 28/01/2006 tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn R, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Bru Vân Kiều; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T1, sinh năm 1977 và bà Hồ Thị T2, sinh năm 1980; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tạm giữ từ ngày 09/01/2024 đến ngày 18/01/2024, hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa:**

+ Bà Lê Thị Thủy N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q - bào chữa cho bị cáo Hồ Văn Q, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thủy T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Q - bào chữa cho bị cáo Hồ Đức P, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Lê Bảo N1, sinh năm: 2003; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt;

+ Ông Hồ Văn T1, sinh năm: 1977; địa chỉ: thôn R, xã H, huyện Đ, có mặt.

- *Người làm chứng:* ông Trần T4, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn C, C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/01/2024, Hồ Văn Q và Hồ Đức P rủ nhau góp mỗi người 500.000 đồng, đi lên xã A, huyện H, tỉnh Quảng Trị, nhờ người quen mua ma túy về bán kiếm lời, vừa sử dụng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Q điều khiển xe mô tô BKS 74H3-2406 (xe của bố P) chở P đi lên xã A, tìm gặp A T5 (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ). P đưa cho A T5 số tiền 1.000.000 đồng, nhờ mua ma túy. A T5 bảo Q và P đứng chờ rồi điều khiển xe máy đi mua ma túy. Khoảng 30 phút sau, A T5 nói mua được 45 viên ma túy, loại hồng phiến, trừ tiền công 05 viên, còn lại 40 viên đưa cho P và Q. Cả hai lấy ma túy rồi đi về nhà bà Hồ Thị K ở thôn R, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Trị. Khoảng 17 giờ cùng ngày, có một người đồng bào dân tộc thiểu số, (không rõ tên tuổi, địa chỉ) đến hỏi mua ma túy, Q và P đã bán 05 viên ma túy với giá 200.000 đồng rồi chia nhau mỗi người 100.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Q và P lấy mỗi người 05 (năm) viên ma túy để sử dụng, đã sử dụng hết. Còn 30 viên ma túy, Q và P bỏ vào bao ni lon màu vàng quấn thành ống dài khoảng 25cm, hơi lửa kín lại rồi đem cất giấu trên cột nhà gần cửa ra vào phòng bếp nhà bà K. Vào trưa ngày 09/01/2024, Q điều khiển xe máy chở P đi vào rừng thăm bò. Trên đường về, Q nhận được điện thoại của Nguyễn Lê Bảo N1 hỏi mua 10 viên ma túy. Q đồng ý bán 10 viên ma túy với giá 400.000 đồng và hẹn giao ở nhà máy gỗ dăm tràm ở thôn K, xã H. Sau đó, Q chở P về nhà bà K, P đứng ở trước sân chờ còn Q đi vào lấy đoạn ni long chứa 30 viên ma túy, ngắt ra lấy 10 viên, đưa cho P và nói giao cho N1 tại nhà máy D ở thôn K và lấy số tiền 400.000 đồng. P điều khiển xe máy BKS 74H3-2406, đi đến nhà máy G dăm ở thôn K. N1 thấy P nên hỏi: “Em giao đồ à”, P trả lời: “Ừ” và đưa 10 viên ma túy cho N1 và nhận số tiền 400.000 đồng. Số tiền này, cả hai chia nhau mỗi người 100.000 đồng, còn lại mua xăng, tiêu xài hết. Sau đó, P rủ Q đi chơi, lúc này N1 gọi điện thoại cho Q hỏi mua 20 viên ma túy cho một người đàn ông nhờ liên lạc mua giúp. Cả hai đồng ý bán cho N1 20 viên ma túy với giá 800.000 đồng và hẹn gặp ở Km 30 Quốc lộ I, giao ma túy và lấy tiền. Q và P đi về nhà bà K lấy 20 viên ma túy, quấn trong 01 miếng nilon màu vàng, điều khiển xe mô tô về km 30 Quốc lộ I, địa phận thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Q thấy N1 đã đứng đợi ở mép đường bên trái theo hướng đi nên đi vòng ngược lại, dừng xe cách vị trí của N1 khoảng 10 mét. P xuống xe rồi đi bộ đến gặp N1. Khi P còn cách N1 khoảng 2-3m, chưa kịp giao

ma túy thì bị lực lượng Công an xã C bắt giữ, cùng với 20 viên ma túy trên người của P. Q và N1 điều khiển xe máy bỏ chạy. Công an xã C biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P. Ngày 10/01/2024, Q đến cơ quan Công an đầu thú.

Kết luận giám định số 184/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận: 20 (hai mươi) viên nén hình trụ tròn màu hồng được niêm phong trong phong bì giấy ký hiệu MTP gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng là 1,8252g (một phẩy tám hai năm hai gam). Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Bản cáo trạng số 18/CT-VKSCL ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Hồ Văn Q và Hồ Đức P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn Q từ: 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Đức P từ: 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù;

- Về vật chứng: đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) miếng ni lon màu vàng trong, được quán lại thành nhiều lớp tại thành hình ống kích thước 12x1,4cm; đã được niêm phong ký hiệu “NL”; 02 (hai) bao ni lon màu xanh tím, mỗi bao có kích thước 09x07cm, miệng mỗi bao có đường khóa zip, đã được niêm phong có mã số: PS3 2145002;

- + Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 máy điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Realme, Imei 1: 867977050722991; Imei 2: 867977050722983, không có thẻ sim bên trong, máy đã qua sử dụng; đã được niêm phong “ĐTQ”; số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) các bị cáo giao nộp.

- Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho Hồ Văn Q trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú” quy định tại r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự và hoàn cảnh của bị cáo gia đình khó khăn, con mới sinh, dân tộc thiểu số, gia đình chính sách, xử phạt bị cáo từ 06 – 07 năm tù.

Người bào chữa cho Hồ Đức P trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và xem xét hoàn cảnh của bị cáo gia đình khó khăn, dân tộc thiểu số, khi phạm tội là người chưa thành niên, áp

dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ đã truy tố. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội làm lại cuộc đời, sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Do có nhu cầu sử dụng ma túy đồng thời để bán kiếm lời ngày, sáng ngày 07/01/2024, Hồ Văn Q và Hồ Đức P rủ nhau góp mỗi người 500.000 đồng, đi lên xã A, huyện H, tỉnh Quảng Trị, nhờ người quen mua ma túy. Cả hai bị cáo đã mua của 01 đối tượng không quen biết 40 viên ma túy với số tiền 1.000.000 đồng. Từ ngày 07/01/2024, các bị cáo đã 03 lần bán ma túy cho nhiều người khác, cụ thể ngày 07/01/2024 bán cho 01 người không quen biết 05 viên ma túy, với số tiền 200.000 đồng; ngày 09/01/2024 bán cho Nguyễn Lê Bảo N1 10 viên ma túy, giá 400.000 đồng và khi tiếp tục đi giao 20 viên ma túy giá 800.000 đồng cho Nguyễn Lê Bảo N1 thì bị bắt quả tang. Kết luận giám định của Phòng K1 công an tỉnh Q 20 viên ma túy thu giữ là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng: 1,8252 gam. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ khác nên có căn cứ xác định hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung hình phạt “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Điều luật có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Trong vụ án, cả hai bị cáo là đồng phạm giản đơn và đều là người thực hành và có vai trò, vị trí ngang nhau. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; giao nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo P ngay khi bị bắt quả tang đã tự khai nhận toàn bộ hành vi bán ma túy nhiều lần trước đó, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Q khi công an bắt quả tang P, đã bỏ chạy đến ngày 10/01/2024 mới ra trình diện và khai báo hành vi của mình nên việc khai nhận của bị cáo không thuộc trường hợp “phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo có nhân thân tốt, là người

đồng bào dân tộc thiểu số, gia đình khó khăn; bị cáo Q thuộc diện hộ nghèo, ông bà ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng ba, bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội: các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy đối với sức khỏe của con người nhưng không tu chí làm ăn mà sa vào con đường nghiện ngập, sử dụng ma túy rồi từ đó mua bán ma túy để kiếm lời. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo P tại thời điểm phạm tội trên 16 tuổi nhưng dưới 18 tuổi nên cần áp dụng quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo P.

[5] Các vấn đề khác của vụ án: Nguyễn Lê Bảo N1 liên lạc mua giúp 20 viên ma túy cho người đàn ông không rõ lai lịch. Khi đến địa điểm giao nhận ma túy, N1 chưa nhận thì Cơ quan Công an đã bắt quả tang P. Do đó, hành vi của N1 chưa đủ yếu tố để xem xét xử lý tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Những đối tượng bán ma túy cho các bị cáo và đối tượng mua ma túy của các bị cáo chưa làm rõ được nên sẽ xem xét, xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án:

[6.1] Mẫu vật còn lại sau giám định gồm: Chất bột màu hồng có khối lượng 0,4364g và các viên nén hình trụ tròn màu hồng có khối lượng là 1,3598g là ma túy loại Methamphetamine, được niêm phong trong túi niêm phong có mã số: NS3A 102863. Đây là vật chứng cấm lưu hành nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng tịch thu tiêu hủy.

[6.2] 01 miếng túi ni lon màu vàng trong, được quấn lại thành nhiều lớp tại thành hình ống kích thước 12x1,4cm, được niêm phong ký hiệu “NL”; 02 bao ni lon màu xanh tím, mỗi bao có kích thước 09x07cm, miếng mỗi bao có đường khóa zip, đã được niêm phong có mã số: PS3 2145002 là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[6.3] 01 máy điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Realme, Imei 1: 867977050722991; Imei 2: 867977050722983, không có thẻ sim bên trong, máy đã qua sử dụng, được niêm phong “ĐTQ” là phương tiện bị cáo Q dùng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6.4] Số tiền 600.000 đồng các bị cáo nộp lại theo Ủy nhiệm chi số: UNC0091 ngày 10/4/2024 là số tiền thu lợi bất chính tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[6.5] Xe mô tô biển kiểm soát BKS 74H3-2406 là tài sản của ông Hồ Văn T1 (bố bị cáo P), các bị cáo dùng vào việc phạm tội ông T1 không biết nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông T1 là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn Q, Hồ Đức P (B1) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn Q: 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 10/01/2024.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Đức P: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 09/01/2024 đến ngày 18/01/2024 (09 ngày).

4. Về xử lý vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án: điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: mẫu vật còn lại sau giám định gồm: Chất bột màu hồng có khối lượng 0,4364g và các viên nén hình trụ tròn màu hồng có khối lượng là 1,3598g là ma túy loại Methamphetamine, được niêm phong trong túi niêm phong có mã số: NS3A 102863; 01 miếng túi ni lon màu vàng trong, được quấn lại thành nhiều lớp tạo thành hình ống kích thước 12cm x 1,4cm, đã được niêm phong ký hiệu “NL”; 02 bao ni lon màu xanh tím, mỗi bao có kích thước 09x07cm, miệng mỗi bao có đường khóa zip, bên trong bao ni lon không có chứa gì, đã được niêm phong có mã số: PS3 2145002;

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Realme, Imei 1: 867977050722991; Imei 2: 867977050722983, không có thẻ sim bên trong, máy đã qua sử dụng, đã được niêm phong “ĐTQ” và số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng) theo Ủy nhiệm chi số: UNC0091 ngày 10/4/2024.

(Các vật chứng trên có tại Chi cục THADS huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/4/2024).

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người QLNVLQ;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Văn Quý**